

Số: **41** /KH-UBND

*Bắc Kạn, ngày 21 tháng 01 năm 2020*

### **KẾ HOẠCH**

#### **Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2020 - 2030**

Thực hiện Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030; Văn bản số 2797/BCT-TKNL ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ Công Thương về việc xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2020 - 2030 với nội dung như sau:

#### **I. THỰC TRẠNG VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Ngày 26 tháng 5 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 746/QĐ-UBND về việc phê duyệt Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020. Theo đó, mục tiêu đến hết năm 2020 phấn đấu tiết kiệm từ 5-8% tổng mức tiêu thụ năng lượng so với dự báo nhu cầu năng lượng. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (viết tắt SDNLTK&HQ) luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cùng với sự chủ động vào cuộc tích cực của các cơ quan, đơn vị nên Chương trình SDNLTK&HQ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã thu được những kết quả nhất định, cụ thể:

- Tổ chức 05 hội nghị phổ biến các giải pháp SDNLTK&HQ trong hộ gia đình, 01 hội nghị tập huấn tiết kiệm năng lượng cho các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến nông lâm sản.

- Triển khai các hoạt động hưởng ứng chiến dịch “Giờ Trái đất”; thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Chương trình “Trường học tiết kiệm điện”, mô hình “Gia đình tiết kiệm điện”. Theo đó hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất kết hợp thay bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn tiết kiệm năng lượng với số lượng 700 chiếc cho 350 hộ gia đình chính sách, hộ nghèo tại các xã vùng sâu, vùng xa của tỉnh; Công ty Điện lực Bắc Kạn đã tổ chức thực hiện 16 chương trình Trường tiểu học chung tay tiết kiệm điện thu hút hơn 8.000 học sinh tham gia, tổ chức thực hiện chương trình Gia đình tiết kiệm điện với gần 400 gia đình đạt Gia đình tiết kiệm điện; trong giai đoạn 2016 - 2018 sản lượng điện tiết kiệm được khoảng hơn 10 triệu kWh tương đương 1,97%.

- Triển khai các giải pháp công nghệ tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, năm 2018 thành phố Bắc Kạn đã tiến hành thay thế đèn chiếu sáng đường

phổ bằng bóng đèn tiết kiệm điện (đã thay thế được 257/1.800 bóng) và hiện nay đang tiếp tục triển khai thực hiện.

- Tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân sử dụng xăng sinh học (E5) cho các loại phương tiện giao thông, năm 2016 lượng sử dụng xăng sinh học E5 Ron 92 II chiếm tỷ lệ 0,25% thì đến năm 2018 lượng sử dụng xăng sinh học E5 Ron 92 II chiếm tỷ lệ 76,8%.

- Kinh phí thực hiện cho các hoạt động về SDNLTK&HQ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2018 khoảng 5.510 triệu đồng, bằng 84% kế hoạch đề ra; trong đó kinh phí từ ngân sách nhà nước khoảng 3.960 triệu đồng, kinh phí do doanh nghiệp thực hiện khoảng 1.550 triệu đồng.

Thông qua các hoạt động của Chương trình, nhận thức về SDNLTK&HQ của các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng được nâng lên. Các cơ quan, đơn vị, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và hộ gia đình đã có ý thức tiết kiệm và sử dụng năng lượng một cách hiệu quả. Một số đơn vị địa phương, doanh nghiệp đã chủ động kinh phí để thực hiện các biện pháp nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và thực hiện công tác tuyên truyền về SDNLTK&HQ.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn một số tồn tại đó là việc sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, một số đơn vị chưa thật sự chủ động triển khai thực hiện Chương trình SDNLTK&HQ; một số cơ sở sản xuất vẫn sử dụng dây chuyền công nghệ lạc hậu chưa thay thế, nâng cấp dây chuyền công nghệ hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng; một số doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ những lợi ích của việc xây dựng mô hình quản lý năng lượng và kiểm toán năng lượng mang lại nên chưa thực sự quan tâm; kinh phí dành cho triển khai các hoạt động về SDNLTK&HQ còn hạn chế.

Việc SDNLTK&HQ có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình phát triển năng lượng và đảm bảo an ninh năng lượng. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về SDNLTK&HQ giai đoạn 2020 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm góp phần thực hiện mục tiêu chung của Chương trình quốc gia về SDNLTK&HQ giai đoạn 2019 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đáp ứng nhu cầu sử dụng năng lượng ngày một cao hơn của nền kinh tế, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên năng lượng, đồng thời bảo vệ được môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

## **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

- Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010;
- Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
- Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giai đoạn 2019 - 2030.

### III. MỤC TIÊU CHUNG CỦA KẾ HOẠCH

1. Góp phần thực hiện mục tiêu chung của Chương trình quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giai đoạn 2019 - 2030.

2. Góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu của địa phương.

a) Tăng cường vai trò quản lý nhà nước trong các hoạt động về SDNLTK&HQ trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản hướng dẫn của ngành, lĩnh vực;

b) Huy động mọi nguồn lực từ trung ương đến địa phương; từ trong nước và các tổ chức tài trợ của nước ngoài để triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình nhằm đạt mục tiêu về tổng mức tiết kiệm năng lượng chung trên địa bàn tỉnh và riêng cho từng lĩnh vực tiêu thụ nhiều năng lượng góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia;

c) Xác định việc SDNLTK&HQ là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh; hình thành thói quen về SDNLTK&HQ trong mọi hoạt động của xã hội và đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường; hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

### IV. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Các mục tiêu, chỉ tiêu nhằm góp phần thực hiện mục tiêu cụ thể của Chương trình quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giai đoạn 2020 - 2030 bao gồm:

\* Giai đoạn đến năm 2025:

a) Tiết kiệm năng lượng tối thiểu 3,0 - 5,0% tổng mức tiêu thụ năng lượng so với dự báo nhu cầu năng lượng; giảm mức tổn thất điện năng xuống còn 6,5% (năm 2018 là 6,83%); tiết kiệm tối thiểu 2,0% tổng sản lượng điện thương phẩm so với dự báo tăng trưởng;

b) Thực hiện việc quản lý bắt buộc theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình xây dựng SDNLTK&HQ đối với 100% các tòa nhà xây dựng mới hoặc cải tạo có quy mô thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn;

c) Đối với các cơ quan, đơn vị chi phí hoạt động từ ngân sách nhà nước, hàng năm phải thực hiện đăng ký sử dụng tiết kiệm năng lượng điện 10%; trụ sở làm việc đầu tư mới hoặc cải tạo phải sử dụng và thay thế đèn tiết kiệm năng lượng; sử dụng các thiết bị văn phòng, phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng và áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu;

d) Xây dựng các mô hình điển hình về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tòa nhà (từ 1- 2 mô hình/năm);

đ) Tổ chức mạng lưới chiếu sáng đô thị đảm bảo hiện đại văn minh, hiệu quả nhằm giảm khoảng 20% tổng mức tiêu thụ điện năng;

e) Đạt 60% trường học có hoạt động tuyên truyền, giảng dạy về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

g) Đảm bảo 100% cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo quy định;

h) 100% các khu, cụm công nghiệp được phổ biến, thúc đẩy Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

i) Số lượng chuyên gia quản lý và kiểm toán năng lượng được đào tạo đáp ứng được yêu cầu về kiểm toán năng lượng của tỉnh.

\* Giai đoạn đến năm 2030:

a) Đạt mức tiết kiệm từ 5 - 7% tổng tiêu thụ năng lượng trong giai đoạn từ 2020 đến năm 2030; giảm mức tổn thất điện năng xuống thấp hơn 6,0%; giảm 5% lượng tiêu thụ xăng, dầu trong giao thông vận tải so với dự báo nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu của ngành đến năm 2030;

b) Thực hiện việc quản lý bắt buộc theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình xây dựng SDNLTK&HQ đối với 100% các tòa nhà xây dựng mới hoặc cải tạo có quy mô thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn;

c) Đạt 90% trường học có hoạt động tuyên truyền, giảng dạy về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

d) Tổ chức mạng lưới chiếu sáng đô thị đảm bảo hiện đại văn minh, hiệu quả nhằm giảm khoảng 30% tổng mức tiêu thụ điện năng;

đ) Thực hiện việc dán nhãn năng lượng đối với 50% các loại sản phẩm vật liệu xây dựng có yêu cầu về cách nhiệt sử dụng trong công trình xây dựng;

g) Đảm bảo 100% cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo quy định;

h) 100% các khu, cụm công nghiệp được phổ biến, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

i) Số lượng chuyên gia quản lý và kiểm toán năng lượng được đào tạo đáp ứng được yêu cầu về kiểm toán năng lượng của tỉnh.

## **V. NỘI DUNG**

### **1. Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, chương trình kế hoạch về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**

a) Hệ thống hóa các văn bản pháp luật, các cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về SDNLTK&HQ của ngành/phân ngành thuộc các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng để xem xét, tham mưu đề xuất chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp;

b) Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích và khen thưởng đặc thù đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác SDNLTK&HQ trên địa bàn;

c) Triển khai phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, chương trình kế hoạch về SDNLTK&HQ đến các thành phần, đối tượng liên quan thực hiện.

## **2. Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nhằm thúc đẩy các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**

Đối với các hoạt động sản xuất, chế tạo, cải tạo, chuyển đổi thị trường phương tiện, trang thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất, chiếu sáng công cộng, tiết kiệm năng lượng trong hộ gia đình, tập trung hỗ trợ những hoạt động sau:

a) Thực hiện kiểm toán năng lượng và áp dụng các hệ thống quản lý năng lượng tiên tiến cho các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm;

b) Cải tiến quy trình công nghệ chuyển đổi nhiên liệu và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thân thiện môi trường, giảm nhẹ biến đổi khí hậu;

c) Ứng dụng các công nghệ mới có hiệu suất năng lượng cao trong sản xuất, chế tạo các máy móc, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất, liên lạc viễn thông, tưới tiêu, khai thác khoáng sản;

d) Ứng dụng năng lượng mới, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; các giải pháp cải thiện hiệu suất sử dụng nhiên liệu của phương tiện, thiết bị; chuyển đổi phương thức vận tải hành khách, hàng hóa trong giao thông vận tải;

đ) Lắp đặt, cải tạo, thay thế các phương tiện, thiết bị, linh kiện, máy móc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tích hợp các giải pháp tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo cho các công trình công cộng, tòa nhà, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hệ thống chiếu sáng đô thị, đường giao thông, báo hiệu giao thông, các cơ sở sản xuất công nghiệp,...;

e) Hướng dẫn, thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, chuyển đổi thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao, giải pháp áp dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió,...) trong các hộ gia đình;

g) Đánh giá, triển khai ứng dụng các giải SDNLTK&HQ đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

## **3. Nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**

a) Đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ các cơ quan đầu mối SDNLTK&HQ từ cấp tỉnh đến cấp huyện, thành phố trong việc tổ chức quản lý thực hiện các quy định của Nhà nước về SDNLTK&HQ; đào tạo, tập huấn các nội dung chuyên môn, kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

b) Cập nhật, biên soạn mới tài liệu đào tạo, tài liệu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn phục vụ các hoạt động nâng cao năng lực về SDNLTK&HQ cho các đối tượng khác nhau;

c) Đối với các cơ sở sử dụng năng lượng:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, người lao động trong đơn vị về SDNLTK&HQ;

- Tổ chức hội thảo, hội nghị hướng dẫn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện SDNLTK&HQ;

- Hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, lập kế hoạch và thực hiện việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giữa các đơn vị.

d) Đối với các tổ chức tín dụng: Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực thẩm định các dự án cho vay trong lĩnh vực SDNLTK&HQ.

đ) Đối với các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp: Đào tạo, phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm và giải pháp về SDNLTK&HQ.

#### **4. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**

a) Tổ chức hướng dẫn việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện quy định của pháp luật về SDNLTK&HQ cho các đối tượng liên quan;

b) Xây dựng sổ tay hướng dẫn việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật về SDNLTK&HQ.

#### **5. Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**

a) Xây dựng và triển khai thực hiện chiến dịch, chương trình kế hoạch truyền thông về SDNLTK&HQ thông qua các hình thức khác nhau nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm về tiết kiệm năng lượng của cộng đồng, doanh nghiệp và xã hội;

b) Xây dựng các chương trình truyền thông về các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, bao gồm: Các chương trình giáo dục; cung cấp thông tin cho doanh nghiệp và cộng đồng; tổ chức các cuộc thi, các phong trào/chiến dịch thúc đẩy tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường; các hội chợ, triển lãm thúc đẩy thị trường sản phẩm, công nghệ tiết kiệm năng lượng;

c) Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về nhiên liệu sinh học nói chung, xăng E5 RON 92, E10 nói riêng, trong đó cần nêu rõ lợi ích của việc sử dụng xăng sinh học E5 RON 92.

### **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

#### **1. Nhu cầu kinh phí:**

a) Kinh phí thực hiện kế hoạch từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ Chương trình quốc gia về SDNLTK&HQ; ngân sách địa phương; vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân và vốn đối ứng của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện mô hình, đề án;

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2020 - 2025 dự kiến khoảng 16.980 triệu đồng (Mười sáu tỷ, chín trăm tám mươi triệu đồng).

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nguồn kinh phí	Năm thực hiện						Tổng
		2020	2021	2022	2023	2024	2025	
1	Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương	2.960	1.340	1.340	1.360	1.560	1.660	10.220
2	Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương	30	100	100	100	100	100	530
3	Nguồn kinh phí hợp pháp khác	900	900	930	1.150	1.150	1.200	6.230
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.890</b>	<b>2.340</b>	<b>2.370</b>	<b>2.610</b>	<b>2.810</b>	<b>2.960</b>	<b>16.980</b>

c) Nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến khoảng 17.270 triệu đồng (Mười bảy tỷ, hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nguồn kinh phí	Năm thực hiện					Tổng
		2026	2027	2028	2029	2030	
1	Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương	1.710	1.710	1.740	1.990	1.990	9.140
2	Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương	120	120	120	120	120	600
3	Nguồn kinh phí hợp pháp khác	1.370	1.370	1.450	1.670	1.670	7.530
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.200</b>	<b>3.200</b>	<b>3.310</b>	<b>3.780</b>	<b>3.780</b>	<b>17.270</b>

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

## 2. Bố trí và sử dụng kinh phí

2.1. Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ từ Chương trình quốc gia và từ nguồn ngân sách tỉnh Bắc Kạn:

a) Hỗ trợ công tác tuyên truyền, phổ biến về SDNLTK&HQ bằng nhiều hình thức khác nhau; hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo tập huấn về SDNLTK&HQ, năng lượng sạch;

b) Hỗ trợ các dự án, đề án, đề tài xây dựng thí điểm mô hình ứng dụng công nghệ mới, năng lượng tái tạo cho hệ thống chiếu sáng trong các công trình tòa nhà cơ quan, công sở, trường học và chiếu sáng công cộng, hỗ trợ kiểm toán năng lượng.

2.2. Nguồn vốn tài trợ của tổ chức, cá nhân và vốn đối ứng của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện mô hình, đề án:

a) Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tủ điều khiển hiện đại trong chiếu sáng công cộng, lắp đặt các hầm khí sinh học biogas, bình nước nóng năng lượng mặt trời tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; hỗ trợ kiểm toán năng lượng;

b) Đối ứng của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện các mô hình, đề án tiết kiệm năng lượng.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Công Thương:**

Chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch SDNLTK&HQ trên phạm vi toàn tỉnh, có nhiệm vụ:

a) Là cơ quan đầu mối hướng dẫn các văn bản pháp lý có liên quan đến các đơn vị thực hiện; nghiên cứu, đề xuất giải pháp huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện kế hoạch; trao đổi, hợp tác với các đơn vị chuyên môn có sáng kiến, giải pháp tiết kiệm năng lượng để tuyên truyền, triển khai ứng dụng, nhân rộng trên địa bàn tỉnh; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương về kết quả thực hiện;

b) Phối hợp các Sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch; tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch theo từng năm; điều phối, giám sát, kiểm tra hoạt động triển khai, kết quả của từng nhiệm vụ; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch từng năm và cả giai đoạn; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ sáu tháng, một năm và theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương; thường xuyên theo dõi, rà soát cơ chế, chính sách, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, ban hành cho phù hợp với điều kiện thực tế từng giai đoạn và nâng cao SDNLTK&HQ trên địa bàn tỉnh;

c) Đầu mối làm việc với Bộ Công Thương về hỗ trợ kinh phí hàng năm để thực hiện kế hoạch;

d) Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn tổ chức thực hiện kế hoạch, xây dựng các đề án hỗ trợ về SDNLTK&HQ.

### **2. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan bố trí kinh phí địa phương thực hiện kế hoạch;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cấp kinh phí hàng năm theo kế hoạch được duyệt để thực hiện kế hoạch;

c) Hướng dẫn các đơn vị quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách theo quy định, giám sát quá trình sử dụng và quyết toán vốn.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên chấp thuận, tiếp nhận các dự án đầu tư sử dụng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng vào địa bàn tỉnh;



b) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn thiện cơ chế, giải pháp huy động nguồn vốn trong và ngoài nước phục vụ kế hoạch SDNLTK&HQ trên địa bàn tỉnh. Kêu gọi các dự án nước ngoài về SDNLTK&HQ đầu tư vào địa bàn tỉnh.

#### **4. Sở Xây dựng**

a) Chủ trì, phối hợp các các sở, ngành, các tổ chức liên quan thực hiện tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà, chiếu sáng đô thị; hướng dẫn, thông tin xây dựng tòa nhà tiết kiệm năng lượng cho các đơn vị tư vấn và các đơn vị quản lý tòa nhà (cung cấp tài liệu; khảo sát; phổ biến các mô hình tòa nhà tiết kiệm đã thành công trong và ngoài nước,...) tập huấn quy chuẩn; giới thiệu các giải pháp trong xây dựng các tòa nhà đảm bảo SDNLTK&HQ;

b) Hướng dẫn đơn vị vận hành xây dựng kế hoạch, biện pháp, thực hiện tiết kiệm điện trong hệ thống chiếu sáng đô thị (kiểm tra, giám sát chế độ vận hành hệ thống chiếu sáng; triển khai mở rộng áp dụng hệ thống điều khiển tự động có chế độ điều chỉnh công suất để giảm công suất chiếu sáng về đêm khi mật độ người tham gia giao thông giảm, sử dụng các thiết bị chiếu sáng có hiệu suất cao,...). Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà, chiếu sáng đô thị.

**5. Sở Giao thông vận tải:** Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan phổ biến kỹ năng, giải pháp kỹ thuật trong khai thác, sử dụng phương tiện giao thông cơ giới theo hướng tiết kiệm năng lượng. Đẩy mạnh việc tuyên truyền sử dụng xăng sinh học E5 Ron 92 II đến các hiệp hội vận tải, các doanh nghiệp, chủ phương tiện kinh doanh vận tải về lợi ích của việc sử dụng xăng sinh học E5 và khuyến khích các đơn vị sử dụng xăng sinh học E5.

#### **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Chủ trì thẩm định ưu tiên các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; hướng dẫn các cơ sở sử dụng thiết bị, dây truyền sản xuất tiêu hao năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nhằm thay thế dần các thiết bị, dây truyền lạc hậu trên địa bàn tỉnh;

b) Thực hiện lồng ghép các nội dung nghiên cứu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào các chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh; phối hợp Sở Công Thương giới thiệu và tuyên truyền các mô hình, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực SDNLTK&HQ.

**7. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành thẩm định các hồ sơ môi trường trên địa bàn tỉnh đảm bảo SDNLTK&HQ”.

#### **8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai chuyên đề sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch trong ngành sản xuất nông nghiệp;

b) Lồng ghép chương trình tiết kiệm năng lượng vào các dự án phát triển nông nghiệp, chăn nuôi, chương trình xây dựng nông thôn mới;

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức về SDNLTK&HQ trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, nông thôn và thủy lợi.

**9. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh:** Chủ động triển khai, tuyên truyền kế hoạch đến các nhà đầu tư trong khu công nghiệp; nâng cao năng lực thẩm định, lựa chọn, ưu tiên chấp thuận các dự án có công nghệ cao, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đầu tư vào trong khu công nghiệp.

#### **10. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Định hướng Đài phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn, Báo Bắc Kạn chủ động phối hợp với Sở Công Thương xây dựng các chuyên đề giới thiệu các biện pháp, mô hình SDNLTK&HQ; chuyên mục thông tin trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng;

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 594/KH-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh truyền thông thực hiện Chương trình quốc gia về SDNLTK&HQ giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

#### **11. Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Biên soạn bổ sung tài liệu giảng dạy; xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động về SDNLTK&HQ trong các trường học;

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, hình thành ý thức, thói quen sử dụng năng lượng tiết kiệm cho học sinh, sinh viên trong các trường học trên địa bàn tỉnh.

#### **12. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Hội, Đoàn thể cấp tỉnh**

a) Chủ động tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức thành viên, hội viên và quần chúng nhân dân nhằm nâng cao nhận thức và hưởng ứng tham gia SDNLTK&HQ;

b) Phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của các tổ chức thành viên, hội viên và quần chúng nhân dân tham gia hưởng ứng việc SDNLTK&HQ.

#### **13. Công ty Điện lực Bắc Kạn**

a) Phối hợp với Sở Công Thương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh;

b) Đáp ứng đầy đủ điện năng cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện quản lý nhu cầu điện năng phù hợp các khả năng cung cấp (giờ cao điểm, thấp điểm); tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý nhằm giảm tổn thất điện năng trong khâu truyền tải, phân phối và kinh doanh bán điện; hướng dẫn khách hàng sử dụng điện theo biểu đồ phụ tải tối ưu để hệ thống điện vận hành đạt hiệu quả;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giải pháp, cách thức tiết kiệm điện và vận động khách hàng sử dụng

điện tiết kiệm và hiệu quả; xây dựng Chương trình trường học chung tay tiết kiệm điện, Gia đình tiết kiệm điện;

d) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030.

#### **14. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

a) Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch SDNLTK&HQ trên địa bàn huyện, thành phố. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng nội dung của kế hoạch đến các tầng lớp nhân dân, các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội; chỉ đạo các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch;

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết năm, phân giao nhiệm vụ cụ thể nội dung cho từng cơ quan chuyên môn cấp huyện, thành phố gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong quá trình thực hiện; thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch; tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động thực hiện kế hoạch trên địa bàn;

c) Xây dựng nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Lập kế hoạch đầu tư, bố trí kinh phí thay thế hệ thống chiếu sáng công cộng khu vực trung tâm thành phố, thị trấn hiện có bằng đèn tiết kiệm điện.

#### **15. Các tổ chức chính trị xã hội, kinh tế, các cơ sở sử dụng năng lượng**

a) Đối với cơ sở sử dụng năng lượng:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, người lao động trong đơn vị về SDNLTK&HQ; thực hiện kiểm toán năng lượng;

- Hàng năm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch SDNLTK&HQ; đầu tư cải tạo, thay thế dần các thiết bị, dây truyền sản xuất tiêu hao nhiều năng lượng; ứng dụng các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao;

- Hợp tác, tổ chức các hội thảo, hội nghị hướng dẫn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về thực hiện kế hoạch SDNLTK&HQ giữa các đơn vị;

- Phối hợp với Công ty Điện lực Bắc Kạn thực hiện các Chương trình điều chỉnh phụ tải điện theo Quyết định số 175/QĐ-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ Công Thương.

b) Đối với các tổ chức tín dụng:

- Tạo điều kiện và ưu tiên nguồn vốn cho các chương trình, kế hoạch về SDNLTK&HQ trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực thẩm định các dự án cho vay trong lĩnh vực SDNLTK&HQ.

c) Đối với các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp: Đào tạo, phổ biến, tuyên truyền các sáng kiến, kinh nghiệm và giải pháp SDNLTK&HQ.

Căn cứ nội dung Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ngành cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện. Nội dung kế hoạch cần lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm; có phân công chỉ đạo sát sao, quyết liệt trong thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát. Thời hạn hoàn thành trong Quý I năm 2020.

Định kỳ sáu tháng (trước ngày 15 tháng 6), hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định./.

**Nơi nhận:**

**Gửi bản điện tử:**

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể của tỉnh;
- Báo Bắc Kạn, Đài PTTH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP.

**Gửi bản giấy + điện tử:**

- Bộ Công Thương (b/c);
- Sở Công Thương;
- Hiệp hội DN tỉnh;
- Các đơn vị không sử dụng TD office;
- Lưu: VT, KTTCKT.

*lq*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Quang Tuyên**

Biểu 01

Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện giai đoạn 2020-2025



(Ban hành kế hoạch số: 41 /KH-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Tên nhiệm vụ, dự án	Năm thực hiện, nguồn kinh phí												Tổng cộng								
		2020			2021			2022			2023				2024			2025				
		NS	TW	Nguồn khác	NS	TW	Nguồn khác	NS	TW	Nguồn khác	NS	TW	Nguồn khác		NS	TW	Nguồn khác	NS	TW	Nguồn khác		
1	Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nhằm thúc đẩy các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh về DNLT&HQ	2.900	30	500	1.200	50	500	1.200	50	500	1.200	50	700	1.400	50	700	1.500	50	700	1.170	13.280	
2	Tăng cường năng lực về SDNLTK&HQ	-	-	150	-	-	150	-	20	180	-	20	200	-	-	-	-	-	-	-	250	1.170
3	Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện quy định của pháp luật về SDNLTK&HQ	-	-	-	60	-	-	60	-	-	60	-	-	60	-	-	60	-	-	60	-	300
4	Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về SDNLTK&H	60	-	-	250	80	50	250	80	30	250	100	30	250	100	50	250	100	50	250	1.200	2.230
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.960</b>	<b>30</b>	<b>900</b>	<b>1.340</b>	<b>100</b>	<b>900</b>	<b>1.340</b>	<b>100</b>	<b>930</b>	<b>1.360</b>	<b>100</b>	<b>1.150</b>	<b>1.560</b>	<b>100</b>	<b>1.150</b>	<b>1.660</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>1.200</b>	<b>16.980</b>	

Ghi chú: Về kinh phí năm 2020 Sở Công Thương đã đăng ký với Bộ Công Thương nguồn ngân sách trung ương

**Biểu 02:**

**Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 41 /KH-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Năm thực hiện, nguồn kinh phí												Tổng cộng								
		2026				2027				2028					2029				2030			
		NS TW	NS Tỉnh	NS khác	NS khác	NS TW	NS Tỉnh	NS khác	NS khác	NS TW	NS Tỉnh	NS khác	NS khác		NS TW	NS Tỉnh	NS khác	NS khác	NS TW	NS Tỉnh	NS khác	
1	Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nhằm thúc đẩy các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh về SDNLTK&HQ	1.500	50	1.000	1.000	1.500	60	1.000	1.000	1.500	60	1.000	1.000	1.800	60	1.200	1.200	1.800	60	1.200	1.200	13.790
2	Tăng cường năng lực về SDNLTK&HQ	50	20	100	100	50	20	100	120	50	20	120	120	-	40	120	120	-	40	120	120	850
3	Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện quy định của pháp luật về SDNLTK&HQ	60	-	20	20	60	-	20	80	80	-	80	80	80	80	80	50	80	80	20	50	550
4	Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về SDNLTK&HQ	100	50	250	250	100	40	250	110	40	300	300	110	110	20	300	300	110	110	120	300	2.080
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.710</b>	<b>120</b>	<b>1.370</b>	<b>1.370</b>	<b>1.710</b>	<b>120</b>	<b>1.370</b>	<b>1.740</b>	<b>120</b>	<b>1.450</b>	<b>1.450</b>	<b>1.990</b>	<b>1.990</b>	<b>120</b>	<b>1.670</b>	<b>1.670</b>	<b>1.990</b>	<b>120</b>	<b>1.670</b>	<b>1.670</b>	<b>17.270</b>